TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **17**/2020/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 24 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 456/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.

- ***Bị đơn:*** Chị Đặng Thu H, sinh năm 1984.
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2020 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Đặng Thu H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 11/9/2007 và cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 12/01/2012 cho chị Đặng Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/cháu/tháng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng/một cháu/một*

tháng). Phương thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ tháng 02/2020 cho đến khi các con chung của anh chị đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi chị Đặng Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T chậm nộp thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003168 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Chị Đặng Thu H không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND thị trấn S, UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bàn Văn Thế